



Bài báo nghiên cứu

THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG MÔ HÌNH XÃ HỘI HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TẠI ĐẶC KHU CÔN ĐẢO, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Vĩnh Khương, Giang Thiên Vũ*

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Giang Thiên Vũ – Email: vugt@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 04-6-2025; ngày nhận bài sửa: 11-7-2025; ngày duyệt đăng: 22-7-2025

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá chất lượng mô hình xã hội học tập cộng đồng được triển khai tại Đặc khu Côn Đảo, Thành phố Hồ Chí Minh. Với cách tiếp cận mô tả và chẩn đoán, nghiên cứu phân tích năm thành tố cốt lõi dựa trên các khung lý luận trong nước và quốc tế: (1) cơ sở vật chất – hạ tầng, (2) năng lực đội ngũ, (3) nội dung và phương pháp chương trình học, (4) mức độ tham gia của cộng đồng, và (5) hiệu quả xã hội. Dựa trên dữ liệu khảo sát từ 241 người dân địa phương thông qua bảng hỏi có cấu trúc, kết quả cho thấy mô hình được cộng đồng đón nhận tích cực nhưng vẫn tồn tại khoảng cách giữa nhận thức và hành vi tham gia thực tế. Các hình thức học tập gắn với thực tiễn như học theo dự án và mô hình gia đình – doanh nghiệp được đánh giá hiệu quả hơn cả. Nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của việc đẩy mạnh truyền thông, đa dạng hóa hình thức học tập, công nhận kết quả học tập không chính quy và nâng cao năng lực đội ngũ tổ chức. Những phát hiện này cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng cho hoạch định chính sách giáo dục và điều chỉnh mô hình học tập cộng đồng tại các vùng địa lý biệt lập như hải đảo.

Từ khóa: xã hội học tập; học tập cộng đồng; trung tâm học tập cộng đồng; học tập suốt đời; đặc khu

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi từ nền giáo dục truyền thống sang nền giáo dục mở và học tập suốt đời, việc xây dựng xã hội học tập trở thành một chiến lược trung tâm nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Theo định hướng của UNESCO (2017), xã hội học tập là không gian mà mọi công dân được tạo điều kiện học tập ở mọi nơi, mọi lúc, với nhiều hình thức linh hoạt, nhằm phát triển bản thân và đóng góp cho cộng đồng. Trong lộ trình đó, Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) được xem là thiết chế giáo dục cơ sở giữ vai trò then chốt (Blackmore, 2010), đặc biệt tại các địa phương có điều kiện địa lý, kinh tế – xã hội đặc thù như vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

Cite this article as: Nguyen, V. K., & Giang, T. V. (2025). The context of community learning society model in Con Dao special zone, Ho Chi Minh City. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(7), 1326-1336. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.7.5097\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.7.5097(2025))

Tại Việt Nam, mô hình TTHTCĐ đã được triển khai rộng khắp từ đầu thập niên 1990 và đến nay đã đạt được những kết quả nhất định trong việc phổ cập kiến thức, nâng cao kỹ năng sống và tăng cường kết nối cộng đồng (M. T. Nguyen, 2019). Tuy nhiên, các nghiên cứu chỉ ra rằng chất lượng hoạt động của TTHTCĐ còn chưa đồng đều giữa các địa phương (D. M. Nguyen, 2019). Đặc biệt, đối với các huyện đảo như Côn Đảo, nơi vừa có tiềm năng phát triển vừa chịu ảnh hưởng bởi sự biệt lập địa lý, mô hình xã hội học tập vẫn chưa phát huy hết vai trò của mình.

Côn Đảo là đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh theo chủ trương điều chỉnh địa giới hành chính), bao gồm 16 đảo với dân số hơn 12.000 người. Trong những năm qua, chính quyền địa phương đã có nhiều nỗ lực nhằm phát triển giáo dục và nâng cao chất lượng sống cho người dân. Tuy vậy, mô hình học tập cộng đồng tại đây vẫn đang đối mặt với những thách thức về nhân lực, cơ sở vật chất, nội dung hoạt động và mức độ tham gia của cộng đồng.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng chất lượng mô hình xã hội học tập cộng đồng tại Đặc khu Côn Đảo trên các khía cạnh: cơ sở vật chất, nội dung hoạt động, đội ngũ, sự tham gia của cộng đồng và hiệu quả xã hội; từ đó chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng mô hình; gợi mở một số hướng cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động học tập cộng đồng tại địa phương trong tương lai. Thông qua việc làm rõ thực trạng và đặc điểm riêng biệt của Côn Đảo trong triển khai xã hội học tập, nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp thêm luận cứ thực tiễn giúp hoạch định chính sách phù hợp với các địa phương hải đảo khác trên cả nước. Nghiên cứu này hướng đến mục tiêu tổng quát là đánh giá chất lượng mô hình học tập cộng đồng tại đặc khu Côn Đảo, từ đó xác định những yếu tố tác động đến hiệu quả triển khai và đề xuất định hướng cải tiến. Cụ thể, nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi sau:

- Mức độ nhận thức và tham gia của người dân vào các hình thức học tập cộng đồng tại Côn Đảo như thế nào?
- Các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức chương trình học được người dân đánh giá ra sao?
- Yếu tố nào được xem là điểm mạnh, điểm yếu của mô hình hiện tại?

Hướng tiếp cận nghiên cứu mang tính mô tả (descriptive research), sử dụng phương pháp điều tra xã hội học kết hợp tổng hợp lý luận để làm rõ thực trạng và hàm ý chính sách phát triển mô hình xã hội học tập trong bối cảnh đặc thù vùng đảo bối cảnh mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận

2.1.1. Khái niệm xã hội học tập và học tập suốt đời

Khái niệm xã hội học tập (learning society) được khởi xướng từ các tổ chức quốc tế như OECD, UNESCO từ giữa thế kỷ XX, và ngày càng trở nên quan trọng trong bối cảnh phát triển kinh tế tri thức và toàn cầu hóa. Theo UNESCO (2017), xã hội học tập là một xã

hội mà trong đó mọi công dân đều có cơ hội và điều kiện học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi của xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Học tập suốt đời (lifelong learning) được hiểu là quá trình học tập diễn ra trong suốt cuộc đời của mỗi người, không giới hạn về độ tuổi, không gian hay hình thức học tập (Field, 2000). Nó bao gồm cả học tập chính quy, không chính quy và phi chính quy, hướng đến sự phát triển toàn diện cá nhân và cộng đồng. Học tập suốt đời không chỉ là một nhu cầu mà còn là một quyền cơ bản của công dân trong xã hội hiện đại.

2.1.2. Trung tâm học tập cộng đồng

TTHTCĐ là thiết chế giáo dục thường xuyên tại cộng đồng cấp xã, phường – nơi tổ chức các hoạt động học tập cho người lớn, học sinh và các đối tượng có nhu cầu. Tại Việt Nam, theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT, TTHTCĐ có chức năng (Ministry of Education and Training, 2008):

- Tổ chức các lớp xóa mù chữ, bổ túc văn hóa;
- Mở các lớp bồi dưỡng nghề ngắn hạn, kỹ năng sống, chăm sóc sức khỏe;
- Phổ biến kiến thức pháp luật, khoa học kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật;
- Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ, hoạt động giao lưu, gắn kết cộng đồng.

Mô hình TTHTCĐ được ví như “hạt nhân” thúc đẩy xã hội học tập tại cộng đồng cơ sở. Tuy nhiên, chất lượng hoạt động của TTHTCĐ phụ thuộc nhiều vào yếu tố nhân sự, nguồn lực tài chính, chính sách quản lý, mức độ tham gia của người dân và khả năng kết nối với các tổ chức xã hội khác.

Dựa trên các nghiên cứu trong và ngoài nước (M. T. Nguyen, 2019; D. M. Nguyen, 2019; UNESCO, 2017), có thể xác lập một số tiêu chí đánh giá chất lượng TTHTCĐ như sau:

- Cơ sở vật chất hạ tầng: điều kiện phòng học, trang thiết bị, địa điểm đặt trung tâm thuận lợi.
- Đội ngũ nhân sự: trình độ, năng lực, sự tâm huyết của cán bộ quản lý và giảng viên.
- Chương trình hoạt động: phong phú, thiết thực, cập nhật với nhu cầu người dân.
- Mức độ tham gia cộng đồng: tỉ lệ người dân biết đến, tham gia, đánh giá tích cực.
- Hiệu quả xã hội: tác động đến chất lượng sống, kỹ năng, năng lực ứng phó của người học trong cộng đồng.

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã triển khai thành công các mô hình học tập cộng đồng, tiêu biểu như: Kominkan (Nhật Bản) hoạt động như một “nhà văn hóa nhân dân”, miễn phí và mở rộng cho mọi đối tượng. Jana Shikshan Nilayams (Ấn Độ) tập trung vào kỹ năng nghề, xóa mù chữ chức năng. TTHTCĐ Thái Lan tổ chức linh hoạt theo cơ chế mở, có liên kết mạnh với các thiết chế giáo dục và sản xuất (McDonald & Cater-Steel, 2016; Stoszkowski & Collins, 2014; Snyder & Wenger, 2010). Các mô hình này đều nhấn mạnh sự tham gia chủ động của người dân, tính linh hoạt trong tổ chức, sự phối hợp liên ngành và định hướng vào nhu cầu thực tiễn. Đây là những kinh nghiệm quan trọng để đổi mới và cải tiến hoạt động TTHTCĐ tại các địa phương ở Việt Nam, đặc biệt là ở các khu vực có điều kiện đặc thù như Đặc khu Côn Đảo.

2.1.3. Đánh giá chất lượng mô hình học tập cộng đồng

Trong nghiên cứu này, chất lượng mô hình học tập cộng đồng được xác định dựa trên sự tổng hợp các tiêu chí từ các nghiên cứu trước (Blackmore, 2010; Field, 2000; D. M. Nguyen, 2019; UNESCO, 2017), bao gồm năm thành tố chính:

- (1) Cơ sở vật chất – kỹ thuật, gồm điều kiện phòng học, trang thiết bị, công nghệ hỗ trợ;
- (2) Đội ngũ nhân sự, gồm năng lực chuyên môn, kỹ năng giảng dạy và mức độ gắn bó của cán bộ TTHTCĐ;
- (3) Nội dung và phương pháp học tập, gồm mức độ phù hợp, tính cập nhật, tính ứng dụng và đa dạng của chương trình;
- (4) Sự tham gia và kết nối cộng đồng, gồm tỉ lệ người biết đến, tham gia, đánh giá sự hữu ích, cơ chế liên kết với các tổ chức khác;
- (5) Hiệu quả xã hội, gồm tác động đến kỹ năng sống, năng lực ứng dụng, sự thay đổi hành vi học tập.

Các chỉ báo này là cơ sở xây dựng công cụ khảo sát và phân tích thực trạng trong nghiên cứu này.

2.2. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Với mục tiêu nghiên cứu đã xác lập, chúng tôi tiến hành nghiên cứu định lượng cắt ngang tại một thời điểm nhằm mô tả thực trạng chất lượng mô hình xã hội học tập cộng đồng tại huyện Côn Đảo (nay là Đặc khu Côn Đảo thuộc Thành phố Hồ Chí Minh).

Khách thể nghiên cứu là người dân đang sinh sống và làm việc tại Đặc khu Côn Đảo. Phạm vi nghiên cứu: Đặc khu Côn Đảo, từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2025.

Công cụ nghiên cứu chính là bảng hỏi định lượng được xây dựng bởi nhóm nghiên cứu, gồm 3 phần chính:

- Thông tin nhân khẩu học (giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, thời gian sinh sống tại địa phương);
- Mức độ nhận thức và tham gia vào các hoạt động học tập cộng đồng;
- Đánh giá mức độ khả thi của các biện pháp xây dựng mô hình xã hội học tập cộng đồng.

Bảng hỏi sử dụng các dạng câu hỏi lựa chọn (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, Likert 4-5 mức độ), đảm bảo tính minh bạch và dễ hiểu cho người dân. Bảng hỏi được phát thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo nguyên tắc ẩn danh, tự nguyện và có sự đồng thuận tham gia. Dữ liệu khảo sát được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Các phương pháp phân tích thống kê mô tả (tần suất, trung bình, tỉ lệ phần trăm) được sử dụng để phản ánh thực trạng. Một số biểu đồ, bảng thống kê được sử dụng để minh họa kết quả nhằm đảm bảo tính trực quan và dễ hiểu trong nghiên cứu này.

2.3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

2.3.1. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 241 người dân hiện đang sinh sống tại Đặc khu Côn Đảo (xem Bảng 1). Trong đó, nữ giới chiếm đa số với tỉ lệ 79,3% ($n = 191$), nam giới chiếm 20,7% ($n = 50$). Về trình độ học vấn, phần lớn người dân có trình độ từ THPT trở lên. Cụ

thể: 40,7% có trình độ cao đẳng/đại học; 29,5% tốt nghiệp THPT; 21,6% học hết THCS; 5,8% chỉ học đến tiểu học và 2,5% có trình độ sau đại học. Điều này cho thấy mặt bằng học vấn tương đối đa dạng, nhưng vẫn còn một bộ phận người dân có trình độ thấp – cần được ưu tiên hỗ trợ tiếp cận học tập. Về thời gian sinh sống tại địa phương, 71% người dân đã sống ở Côn Đảo trên 10 năm – điều này đảm bảo mức độ am hiểu bối cảnh địa phương, là yếu tố thuận lợi cho việc xác thực các đánh giá liên quan đến hoạt động cộng đồng.

Bảng 1. Thông tin nhân khẩu học của khách thể nghiên cứu

Thông tin nhân khẩu		Tần số (n=241)	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	50	20,75
	Nữ	191	79,25
Trình độ học vấn	Tiểu học	14	5,81
	THCS	52	21,58
	THPT	71	29,46
	Cao đẳng/Đại học	98	40,66
	Sau đại học	6	2,49
Thời gian sinh sống tại đảo	Dưới 1 năm	3	1,24
	1 – 5 năm	30	12,45
	5 – 10 năm	37	15,35
	Trên 10 năm	171	70,95

Khi được hỏi “Anh/Chị có biết về mô hình xã hội học tập cộng đồng tại địa phương không?”, có 193/241 người (tương đương 80,1%) trả lời “Có” và 48 người (19,9%) trả lời “Không”. Tỉ lệ này cho thấy mô hình xã hội học tập cộng đồng đã bước đầu được lan tỏa trong cộng đồng dân cư tại Đặc khu Côn Đảo. Tuy nhiên, việc vẫn còn gần 1/5 số người chưa biết đến mô hình đặt ra yêu cầu cần đẩy mạnh truyền thông và đa dạng hóa hình thức tiếp cận đến người dân, đặc biệt là các nhóm dân cư mới đến sinh sống hoặc có trình độ học vấn thấp. Dữ liệu khảo sát cho thấy người dân tại Đặc khu Côn Đảo đã từng tham gia nhiều loại hình hoạt động học tập cộng đồng khác nhau. Trong số 241 người dân được khảo sát, phần lớn cho biết họ từng tham gia ít nhất một hoạt động học tập trong cộng đồng. Kết quả thống kê chi tiết được thể hiện trong Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2. Các hoạt động học tập cộng đồng mà người dân đã từng tham gia

STT	Hoạt động học tập cộng đồng	Số người tham gia (n = 241)	Tỉ lệ (%)
1	Hoạt động chia sẻ kiến thức về học tập, nghề nghiệp, kỹ năng sống	118	48,96
2	Lớp học nâng cao kỹ năng nghề nghiệp	104	43,15
3	Hoạt động đọc sách/thư viện cộng đồng	86	35,68
4	Hội thảo hoặc khóa học chuyên đề	65	26,97
5	Các dự án cộng đồng hỗ trợ trẻ em, người lớn tuổi hoặc người có hoàn cảnh khó khăn học tập	64	26,56
6	Lớp học phổ cập giáo dục	61	25,31

Khi được hỏi về tần suất tham gia các hoạt động học tập cộng đồng, đa số người dân cho biết họ tham gia ở mức “Thỉnh thoảng” (64,32%). Trong khi đó, chỉ có 12,45% người dân tham gia “Thường xuyên”, 16,60% “Hiếm khi”, và 6,63% cho rằng họ “Không bao giờ” tham gia.

Bảng 3. Tần suất tham gia hoạt động học tập cộng đồng

STT	Tần suất tham gia	Số người (n)	Tỉ lệ (%)
1	Thỉnh thoảng	155	64,32
2	Hiếm khi	40	16,60
3	Thường xuyên	30	12,45
4	Không bao giờ	16	6,63

Kết quả này cho thấy tần suất tham gia hoạt động học tập cộng đồng của người dân còn ở mức hạn chế. Mặc dù hầu hết người dân từng tham gia ít nhất một hoạt động, nhưng việc tham gia thường xuyên vẫn chiếm tỉ lệ thấp. Điều này đặt ra nhu cầu cải thiện các yếu tố thu hút, tổ chức linh hoạt, và tăng cường động lực tham gia học tập suốt đời cho cộng đồng dân cư tại huyện đảo.

Người dân được khảo sát đã đánh giá mức độ hoạt động tại Côn Đảo của các hình thức học tập cộng đồng hiện có tại địa phương. Kết quả cho thấy phần lớn hình thức đều được đánh giá ở mức trung bình khá trở lên (từ 3,61 đến 3,66 điểm trên thang Likert-5).

Bảng 4. Mức độ hoạt động của các hình thức học tập cộng đồng

Các hình thức học tập cộng đồng		Mức độ					ĐTB (ĐLC)
		Không hiệu quả	Ít hiệu quả	Bình thường	Hiệu quả	Rất hiệu quả	
Trung tâm học tập cộng đồng	N	-	10	97	104	30	3,64
	%	-	4,15	40,25	43,15	12,45	(0,82)
CLB học tập	N	-	11	112	91	27	3,56
	%	-	4,56	46,47	37,76	11,2	(0,92)
Học tập qua hội thảo và tọa đàm	N	-	14	104	92	31	3,58
	%	-	5,81	43,15	38,17	12,86	(1,03)
Học tập qua dự án và hoạt động thực tiễn	N	-	10	96	101	34	3,66
	%	-	4,15	39,83	41,91	14,11	(0,72)
Thư viện cộng đồng	N	-	12	105	92	32	3,60
	%	-	4,98	43,57	38,17	13,28	(0,82)
Lớp học tình nguyện và phi lợi nhuận	N	-	17	98	89	37	3,61
	%	-	7,05	40,66	36,93	15,35	(0,91)
Học tập trực tuyến và mạng lưới cộng đồng	N	-	13	98	98	32	3,62
	%	-	5,39	40,66	40,66	13,28	(0,87)
Học tập từ các mô hình gia đình và doanh nghiệp	N	-	10	103	90	38	3,65
	%	-	4,15	42,74	37,34	15,77	(0,78)

Kết quả khảo sát cho thấy cả 8 hình thức học tập cộng đồng đều được người dân đánh giá ở mức trung bình khá trở lên, với điểm trung bình dao động từ 3,56 đến 3,66 trên thang 5 điểm. Nổi bật nhất là các mô hình học tập gắn với thực tiễn như “Học tập qua dự án và hoạt động thực tiễn” (ĐTB=3,66, DLC=0,72) và “Học tập từ mô hình gia đình và doanh nghiệp” (ĐTB=3,65, DLC=0,78), cho thấy người dân đánh giá cao tính ứng dụng, linh hoạt và khả năng tiếp cận từ thực tiễn đời sống. Các hình thức truyền thống như “Thư viện cộng đồng” (ĐTB=3,60, DLC=0,82), “Hội thảo và tọa đàm” (ĐTB=3,58, DLC=1,03) hay “Câu lạc bộ học tập” (ĐTB=3,56, DLC=0,92) có điểm trung bình thấp hơn, cho thấy tiềm năng phát triển nhưng vẫn còn hạn chế về hiệu quả triển khai hoặc mức độ phổ biến. Nhìn chung, dữ liệu phản ánh một bức tranh lạc quan nhưng chưa đồng đều: trong khi các hình thức học tập hiện đại, mở rộng hoặc gắn kết với cộng đồng được đón nhận tích cực, thì các mô hình học tập mang tính truyền thống hoặc căn cơ chế tổ chức chặt chẽ vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò. Điều này đặt ra yêu cầu cần đổi mới nội dung, đa dạng hình thức và nâng cao phương pháp tổ chức chương trình học, phù hợp với nhu cầu, điều kiện và đặc thù dân cư tại địa bàn hải đảo như Côn Đảo.

Xét về nội dung, hình thức và phương pháp thực hiện các chương trình học tập xã hội cộng đồng tại Côn Đảo, kết quả được trình bày ở Bảng 5 dưới đây.

Bảng 5. Đánh giá về nội dung, hình thức và phương pháp thực hiện các chương trình học tập xã hội cộng đồng tại Côn Đảo

Nội dung, hình thức, phương pháp thực hiện		Mức độ					ĐTB (DLC)
		Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt	
Chương trình học phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân	N	-	12	88	94	47	3,73
	%	-	4,98	36,51	39,0	19,5	(0,77)
Chương trình học có tính đa dạng, phong phú về nội dung	N	-	11	77	98	55	3,82
	%	-	4,56	31,95	40,66	22,82	(0,85)
Nội dung học tập được thiết kế theo đúng trình độ của người học	N	-	9	82	93	57	3,82
	%	-	3,73	34,02	38,59	23,65	(0,88)
Nội dung học tập được cập nhật thường xuyên khi có kiến thức hoặc thông tin mới, cộng đồng	N	-	12	82	88	59	3,80
	%	-	4,98	34,02	36,51	24,48	(0,76)
Nội dung học tập có giúp cải thiện kỹ năng làm việc/thực hành	N	-	8	81	93	59	3,84
	%	-	3,32	33,61	38,59	24,48	(0,81)
Các phương pháp giảng dạy có hiệu quả và dễ tiếp thu	N	-	10	77	88	66	3,87
	%	-	4,15	31,95	36,51	27,39	(0,90)
Đội ngũ giảng viên có đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và kỹ năng giảng dạy	N	-	9	72	97	63	3,89
	%	-	3,73	29,88	40,25	26,14	(0,89)
Chương trình học có sử dụng công nghệ thông tin và phương pháp giảng dạy hiện đại	N	-	9	69	95	68	3,92
	%	-	3,73	28,63	39,42	28,22	(0,83)
Nội dung giảng dạy có thể áp dụng vào thực tế cuộc sống và công việc	N	-	9	75	94	63	3,88
	%	-	3,73	31,12	39,0	26,14	(0,94)

Kết quả phân tích cho thấy đa số người dân đánh giá chương trình học tập cộng đồng tại Côn Đảo ở mức khá và tốt, đặc biệt ở các yếu tố liên quan đến ứng dụng thực tiễn, công nghệ và chất lượng giảng viên. Về nội dung học tập, 58,5% người dân đánh giá chương trình học phù hợp hoặc rất phù hợp với nhu cầu thực tế của bản thân và cộng đồng. Chỉ khoảng 5% đánh giá là “Yếu”, và không có phản hồi nào ở mức “Kém”. Về hình thức tổ chức, hơn 60% đánh giá chương trình học có hình thức tổ chức “Khá” hoặc “Tốt”, trong đó nổi bật là hoạt động học nhóm, trải nghiệm thực tế và linh hoạt theo nghề nghiệp. Về phương pháp giảng dạy, khoảng 65% người dân đánh giá cao sự ứng dụng công nghệ thông tin, sự tham gia của giảng viên có chuyên môn và phương pháp tích cực, dễ hiểu, dễ áp dụng. Nhìn chung, tỉ lệ phản hồi tích cực (Khá và Tốt) cho các nội dung khảo sát dao động từ 55% đến 70%, trong khi tỉ lệ phản hồi tiêu cực (Kém và Yếu) rất thấp, hầu hết dưới 5%. Điều này phản ánh sự hài lòng tương đối cao của người dân về chất lượng và hiệu quả của chương trình học tập cộng đồng. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 30-40% người dân đánh giá các nội dung ở mức “Trung bình”, điều này đặt ra yêu cầu cần nâng cao tính linh hoạt, cá nhân hóa và gắn kết chương trình học với các nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp, thích ứng số và phát triển bền vững tại địa phương.

2.3.2. Bàn luận

Kết quả khảo sát thực trạng mô hình xã hội học tập cộng đồng tại Đặc khu Côn Đảo cho thấy một bức tranh tương đối tích cực nhưng chưa thật sự đồng đều. Nhìn chung, người dân đánh giá cao ý nghĩa, tính thực tiễn và hiệu quả triển khai của các hoạt động học tập cộng đồng, đặc biệt đối với các hình thức gắn với thực tiễn như “học tập qua dự án”, “từ mô hình gia đình và doanh nghiệp”, hay “trực tuyến – mạng lưới cộng đồng”. Tỉ lệ đánh giá “Khá” và “Tốt” cho các nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức chương trình học dao động từ 55% đến trên 70%, cho thấy sự đón nhận tích cực của người học. Những kết quả này phù hợp với xu hướng được ghi nhận trong nghiên cứu của Nguyen (2021) tại Thành phố Hồ Chí Minh, khi cho thấy người dân có xu hướng tham gia các hình thức học tập gắn với kinh nghiệm thực tế và đời sống hơn là các mô hình học thuật hóa hay hành chính hóa. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Mai và cộng sự (2023) cũng nhấn mạnh vai trò của các trung tâm học tập cộng đồng trong việc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời, nhưng chỉ hiệu quả khi nội dung học gắn với sản xuất, sinh kế hoặc đời sống cộng đồng.

Tuy nhiên, một điểm đáng lưu ý là mức độ tham gia thực tế vào các hoạt động học tập cộng đồng tại Côn Đảo vẫn còn hạn chế: chỉ khoảng 40% số người khảo sát từng tham gia ít nhất một hoạt động học tập cộng đồng, và phần lớn người dân cho biết chưa từng tham gia bất kì hình thức học tập nào trong 1-2 năm gần đây. Điều này cho thấy có một khoảng cách đáng kể giữa nhận thức tích cực và hành vi tham gia thực tế, tương tự như kết luận của Blackmore (2010) rằng tại nhiều địa phương, xã hội học tập vẫn mang tính hình thức và thiếu động lực nội tại.

Ở bình diện quốc tế, các nghiên cứu của Schuller và Watson (2009) tại Vương quốc Anh, Darling và cộng sự (2007) tại Canada đều nhấn mạnh rằng sự thành công của mô hình học tập cộng đồng phụ thuộc vào việc thiết kế linh hoạt, tích hợp nhu cầu cá nhân và cộng đồng, cùng với sự tham gia chủ động của người học. Mô hình học tập không chỉ là nơi truyền đạt kiến thức mà còn là không gian xã hội hóa, trao đổi và sáng tạo. Trong khi đó, mô hình tại Côn Đảo dù có nhiều tiềm năng nhưng vẫn chưa huy động được tính chủ động này từ phía người dân – đặc biệt là những nhóm dân cư lớn tuổi, lao động tay nghề thấp hoặc cư dân phi chính thức. Một số nguyên nhân có thể lý giải cho thực trạng này bao gồm: (1) thiếu truyền thông và hướng dẫn cụ thể về mô hình học tập cộng đồng; (2) chương trình học tuy được đánh giá tốt nhưng vẫn chưa đủ linh hoạt về thời gian, nội dung cá nhân hóa hoặc sự gắn kết liên ngành; (3) thiếu cơ chế khuyến khích và công nhận năng lực học tập không chính quy – điều đã được khuyến cáo bởi UNESCO từ năm 2017 trong khuôn khổ xây dựng “Xã hội học tập toàn diện”. Từ đó, có thể thấy rằng mô hình xã hội học tập cộng đồng tại Côn Đảo đang ở giai đoạn chuyển động tích cực nhưng cần được thúc đẩy bằng các chính sách liên ngành, đầu tư đội ngũ và đổi mới sáng tạo nội dung học tập. Không thể chỉ dừng lại ở việc mở lớp, mà cần xây dựng hệ sinh thái học tập cộng đồng, nơi người dân được truyền cảm hứng, hỗ trợ học tập linh hoạt, và thấy rõ giá trị thiết thực từ các chương trình đã tham gia.

3. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu đánh giá thực trạng chất lượng mô hình xã hội học tập cộng đồng tại Đặc khu Côn Đảo cho thấy một số tín hiệu tích cực về mặt nhận thức, chất lượng chương trình và hiệu quả triển khai. Người dân đánh giá cao nội dung học tập có tính ứng dụng, phương pháp giảng dạy hiện đại và đội ngũ giảng viên có chuyên môn. Đặc biệt, các hình thức học tập gắn với thực tiễn như học tập qua dự án, học qua mô hình gia đình – doanh nghiệp, và học trực tuyến được đánh giá cao về mức độ hoạt động. Tuy nhiên, tỉ lệ người dân từng tham gia các hoạt động học tập cộng đồng còn thấp, cho thấy mô hình này chưa thực sự lan tỏa rộng và bền vững trong cộng đồng dân cư. Khoảng cách giữa **đánh giá tích cực** và **mức độ tham gia thực tế** là vấn đề cần được quan tâm trong quá trình xây dựng xã hội học tập ở địa phương.

Từ những kết quả này, nhóm nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị: (1) **Tăng cường truyền thông và nâng cao nhận thức** về ý nghĩa và lợi ích của học tập cộng đồng thông qua các kênh chính quyền địa phương, tổ chức đoàn thể và truyền thông số. (2) **Đa dạng hóa nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức chương trình học**, hướng đến tính linh hoạt, cá nhân hóa và gắn với nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp, khởi nghiệp, kỹ năng số và phát triển bền vững tại địa phương. (3) **Thiết lập cơ chế liên kết và công nhận kết quả học tập không chính quy**, tạo động lực tham gia học tập suốt đời cho người dân - đặc biệt là lao động phi chính thức, phụ nữ nội trợ, người cao tuổi và thanh niên chưa có việc làm ổn định. (4) **Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ phụ trách học tập cộng đồng**, đảm bảo năng lực

chuyên môn, kỹ năng tổ chức hoạt động và kết nối nguồn lực liên ngành. Kết quả nghiên cứu có thể là căn cứ tham khảo quan trọng cho các nhà quản lý giáo dục, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp trong quá trình hoạch định chính sách và triển khai mô hình xã hội học tập cộng đồng phù hợp với đặc thù vùng hải đảo như Côn Đảo, góp phần thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Nguồn ngân sách khoa học và công nghệ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong đề tài mã số CS.2024.19.10ĐH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Blackmore, C. (2010). *Social learning systems and communities of practice*. Springer.
- Darling, L. F., Erickson, G., & Clarke, A. (Eds.). (2007). *Collective improvisation in a teacher education community* (Vol. 4). Springer Science & Business Media.
- Field, J. (2000). *Lifelong learning and the new educational order*. Trentham Books.
- Mai, T. P., Ho, H. T., & Nguyen, T. H. (2023). Sự cần thiết của việc xây dựng Khung năng lực số cho học viên người lớn ở trung tâm học tập cộng đồng [The need to develop a digital competency framework for adult learners in community learning centers]. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 19(11), 31-36. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12311105>
- McDonald, J., & Cater-Steel, A. (Eds.). (2016). *Communities of practice: Facilitating social learning in higher education*. Springer.
- Ministry of Education and Training (2008). *Decision No. 09/2008/QĐ-BGDDT of the Ministry of Education and Training: Promulgating the Regulations on organization and operation of community learning centers in communes, wards and towns*. Vietnam Government Publisher.
- Nguyen, D. M. (2019). Trung tâm học tập cộng đồng trong xây dựng xã hội học tập [Community learning centers in building a learning society]. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 18(6), 6-11.
- Nguyen, M. T. (2019). Phát huy vai trò của trung tâm học tập cộng đồng trong việc xây dựng xã hội học tập và xây dựng nông thôn mới [Promoting the role of community learning centers in building a learning society and new rural areas]. *Vietnam Journal of Education*, 486(1), 1-6.
- Nguyen, M. T. (2021). Phát triển nội dung, tài liệu học tập ở trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân trong bối cảnh hiện nay [Developing content and learning materials at community learning centers to meet people's lifelong learning needs in the current context]. *Vietnam Journal of Education*, 512(2), 48-53.
- Schuller, T., & Watson, D. (2009). *Learning through life*. Niace.
- Snyder, W. M., & Wenger, E. (2010). Our world as a learning system: A communities-of-practice approach. *Social learning systems and communities of practice*, 107-124.

- Stoszkowski, J., & Collins, D. (2014). Communities of practice, social learning and networks: Exploiting the social side of coach development. *Sport, education and society*, 19(6), 773-788.
- UNESCO (2017). *Education for Sustainable Development Goals*. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization. https://stairwaytosdg.eu/images/UNESCO_Education_for_Sustainable_Development_Goals_ENG.pdf

THE CONTEXT OF COMMUNITY LEARNING SOCIETY MODEL IN CON DAO SPECIAL ZONE, HO CHI MINH CITY

Nguyễn Vĩnh Khương, Giang Thien Vu*

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

*Corresponding author: Giang Thien Vu – Email: vugt@hcmue.edu.vn

Received: June 04, 2025; Revised: July 11, 2025; Accepted: July 22, 2025

ABSTRACT

This study evaluates the quality of the community learning society model implemented in Con Dao Special Zone, Ho Chi Minh City, using a descriptive and diagnostic approach. It examines five key components drawn from both national and international frameworks: (1) infrastructure and facilities, (2) staff capacity, (3) learning program content and methods, (4) community participation, and (5) social outcomes. Data from a structured questionnaire distributed to 241 residents reveal positive reception of the model but highlight a gap between public awareness and active participation. Practical and flexible formats, such as project-based learning and enterprise-family models, prove particularly effective. The study recommends enhanced communication, diversified learning delivery, recognition of informal learning outcomes, and enhanced staff training to strengthen the model. These findings provide a robust foundation for refining educational policy and adapting community learning models in Vietnam's geographically isolated regions.

Keywords: community learning; community learning center; lifelong learning; learning society; special zone